



TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
và một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2024

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành;
 - Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Hội đồng quản trị PJICO kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1- Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

1.1 Các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện (theo báo cáo tài chính của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PwC cho kỳ kế toán kết thúc 31/12/2023):

- | | |
|-------------------------------|----------------------|
| - Tổng lợi nhuận trước thuế : | 283,676,809,097 đồng |
| - Thuế TNDN: | 54,590,313,230 đồng |
| - Tổng lợi nhuận sau thuế : | 229,086,495,867 đồng |

1.2 Trình ĐHĐCĐ phê chuẩn phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

- | | |
|--|----------------------------|
| - Tổng lợi nhuận sau thuế: | 229,086,495,867 đồng |
| - Vốn điều lệ : | 1,108,967,960,000 đồng |
| - Chi trả cổ tức 12%: | 133,076,155,200 đồng |
| - Trích quỹ dự trữ bắt buộc 5% LNST (đã trích đạt 10% vốn điều lệ): | 8,869,622,359 đồng |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST: | 11,454,324,793 đồng |
| - Trích quỹ khen thưởng cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân): | 23,567,305,859 đồng |
| - Trích quỹ phúc lợi cho CBCNV (tương đương 0,5 tháng lương bình quân): | 23,567,305,859 đồng |
| - Trích quỹ khen thưởng thuộc HĐQT để khen thưởng cho các Đơn vị thành viên và các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: | 5,000,000,000 đồng |
| - Trích quỹ khen thưởng khách hàng, cá nhân và tổ chức hợp tác, hỗ trợ và đóng góp cho hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là 1% Lợi nhuận sau thuế. | 2,290,864,959 đồng |
| Giao Tổng giám đốc căn cứ tình hình thực tế sử dụng quỹ khen thưởng nhằm đạt hiệu quả cao nhất. | |
| - Trích quỹ khen thưởng hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận cho người quản lý (HĐQT, Ban điều hành, kế toán trưởng) tham gia quản lý điều hành TCT trong năm 2022 - 2 tháng lương, thưởng, thù lao/người theo Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý được tính theo thời gian thực tế tham gia quản lý điều hành năm 2023 - theo Phụ lục 01 đính kèm. | 1,980,000,000 đồng |
| - Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: | 19,280,916,838 đồng |

2- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu sau:

Căn cứ vào doanh thu thực hiện năm 2023 của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2024, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu bảo hiểm gốc là 4.024 tỷ đồng, không thấp hơn năm 2023;
- Lợi nhuận trước thuế: 288,8 tỷ đồng;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền: Tối thiểu 10% vốn điều lệ

Thuyết minh kế hoạch kinh doanh năm 2024 - theo Phụ lục 02;03 đính kèm.

Nơi nhận

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- Lưu Ban TH, VP, TCKT.



57
TỔ
NG TY
BẢO
PETR
NG E

PHỤ LỤC 01: BẢNG KÊ TÍNH QUỸ KHEN THƯỞNG HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN CHO NGƯỜI QUẢN LÝ (HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG) TỔNG CÔNG TY NĂM 2023

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức lương, thù lao	Số tháng thưởng	Số tiền thưởng theo thời gian đảm nhận chức vụ	Ghi chú
	<u>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u>				<u>958,000,000</u>	
1	Trần Ngọc Năm	Chủ tịch HĐQT	110,600,000	2.0	73,733,333	Thôi Chủ tịch HĐQT từ T4/2023
2	Phạm Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	110,600,000	2.0	147,466,667	Thôi thành viên HĐQT từ T4/2023 nhận nhiệm vụ chủ tịch HĐQT
3	Phạm Thanh Hải	Thành viên HĐQT	70,500,000	2.0	47,000,000	
4	Trịnh Thị Quỳnh Hương	Thành viên HĐQT	70,500,000	2.0	141,000,000	
5	Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT	62,900,000	2.0	125,800,000	
6	Nguyễn Mạnh Linh	Thành viên HĐQT	70,500,000	2.0	141,000,000	
7	Lee Jea Hoon	Thành viên HĐQT	70,500,000	2.0	141,000,000	
8	Trương Diệu Linh	Thành viên HĐQT	70,500,000	2.0	141,000,000	
	<u>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</u>				<u>909,600,000</u>	
1	Nguyễn Thị Hương Giang - TGD	TGD	94,000,000	2.0	188,000,000	
2	Phạm Thanh Hải	PTGD	70,500,000	2.0	47,000,000	Thôi PTGD từ T4/2023 nhận nhiệm vụ chủ tịch HĐQT
2	Trần Anh Tuấn	PTGD	70,500,000	2.0	141,000,000	
3	Bùi Hoài Giang	PTGD	70,500,000	2.0	141,000,000	
4	Lê Thanh Đạt	PTGD	70,500,000	2.0	141,000,000	
5	Trần Hoài Nam	PTGD	62,900,000	2.0	125,800,000	
6	Bùi Văn Thảo	PTGD	62,900,000	2.0	125,800,000	
	<u>KẾ TOÁN TRƯỞNG</u>				<u>112,400,000</u>	
1	Phạm Thu Hiền		56,200,000	2.0	112,400,000	
	Tổng cộng				<u>1,980,000,000</u>	

PHỤ LỤC 02: SỐ LIỆU KẾ HOẠCH DOANH THU BẢO HIỂM GỐC 2024

ĐVT: triệu đồng

MNV	Tên nghiệp vụ	Ước Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	% Tăng trưởng
01	Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	396,408	365,000	-10.3%
02	Bảo hiểm thân tàu biển	67,344	72,000	4.5%
03	Bảo hiểm P&I tàu biển	184,602	190,000	1.3%
04	Bảo hiểm tàu thủy nội địa	10,191	13,000	23.6%
05	Bảo hiểm tàu cá	1,672	1,500	-10.3%
06	Bảo hiểm xe ô tô	1,475,373	1,500,000	3.0%
07	Bảo hiểm mô tô, xe máy	63,166	65,500	0.1%
08	Bảo hiểm học sinh, giáo viên	78,965	81,000	1.3%
09	Con người khác	348,420	382,000	12.2%
10	Bảo hiểm cháy nổ, mọi rủi ro tài sản	910,717	902,000	-2.5%
11	Bảo hiểm kỹ thuật	252,900	244,000	0.0%
12	Bảo hiểm hỗn hợp	129,028	120,000	-11.3%
13	Bảo hiểm hàng không, năng lượng, khác	104,650	88,000	-15.9%
67	Bảo hiểm khai thác hải sản theo NĐ 67 (nếu có)			
	Tổng cộng	4,023,436	4,024,000	0.0%



PHỤ LỤC 03 - SỐ LIỆU KẾ HOẠCH KẾT QUẢ KINH DOANH 2024

Chỉ tiêu	Tổng	Gốc (không tàu cá 67)	Nhận tái BH	Đầu tư
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 - 01.3)	4,224,184	4,037,813	186,371	
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	4,024,000	4,024,000		
- Phí nhận tái bảo hiểm	192,800	-	192,800	
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(7,384)	(13,813)	6,429	
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 - 02.2)	1,431,377	1,416,818	14,559	
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1,421,506	1,407,048	14,458	
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(9,870)	(9,770)	(100)	
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01-02)	2,792,807	2,620,995	171,812	
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	445,463	433,831	11,631	
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	325,425	323,463	1,962	
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	120,038	110,368	9,670	
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10= 03+04)	3,238,270	3,054,827	183,444	
6. Chi bồi thường (11 = 11.1 - 11.2)	1,634,683	1,518,318	116,366	
Trong đó:				
-Tổng chi bồi thường	1,634,683	1,518,318	116,366	
-Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)				
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	313,291	307,348	5,942	
8. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(21,326)	(29,808)	8,482	
9. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(6,379)	(8,916)	2,537	
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	1,306,446	1,190,078	116,368	
11. Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	27,953	26,170	1,783	
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	1,125,819	1,061,527	64,293	
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	224,487	184,628	39,859	
- Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm và chi phí khác	901,332	876,899	24,433	
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2,460,218	2,277,774	182,444	-
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19= 10 - 18)	778,052	777,052	1,000	-
15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-			-
16. Giá vốn bất động sản đầu tư	-			-
17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22= 20 -21)	-			-
18. Doanh thu hoạt động tài chính	91,262			91,262
19. Chi phí hoạt động tài chính	42,959			42,959
20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 -24)	48,303			48,303
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	546,136	546,136	-	
22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 19 + 22 + 25 - 26)	280,219	230,916	1,000	48,303
23. Thu nhập khác	15,000			15,000
24. Chi phí khác	6,408			6,408
25. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	8,592	-	-	8,592
26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	288,811	230,916	1,000	56,894